| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2026
V/v "tranh chấp ly hôn giữa bà T và ông V"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Võ Thị Thanh Nhung
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Văn Út
2. Ông Trương Thành Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Tây Ninh.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1984; (có mặt)
Địa chỉ: Số C, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.
Địa chỉ liên lạc: Số H, Trần Văn Ơ, P, Thủ Dầu M, Bình Dương.
*Bị đơn:* Ông Lương Hoàng V, sinh năm: 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã C, tỉnh Tây Ninh.
Địa chỉ cũ: Số C, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Lương Hoàng V chung sống từ năm 2004 đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2005 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Bà và ông V chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Bà đã cho nhiều cơ hội nhưng bản thân ông V không thay đổi. Bà và ông V đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay nhưng cả hai bên đều không ai có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau, hiện tại tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lương Hoàng V.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung là Lương Gia H, sinh năm 2006 và Lương Gia K, sinh ngày 04/5/2015. Hiện Lương Gia H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lương Gia K đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Lương Hoàng V vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lương Hoàng V. Ông Lương Hoàng V có nơi cư trú tại ấp C, xã C, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh, được pháp luật quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự có mặt của đương sự: bị đơn ông Lương Hoàng V đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Lương Hoàng V chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông V không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Bà và ông V đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, hiện tại bà không còn tình cảm với ông V nên yêu cầu được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V không đến Tòa án, chứng tỏ ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T để vợ chồng đoàn tụ, bà T cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm với ông V và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông V là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu T.

[3.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do bà Trần Thị Thu T cung cấp, bà T và ông V có 02 con chung là Lương Gia H, sinh năm 2006 và Lương Gia K, sinh ngày 04/5/2015. Hiện Lương Gia H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lương Gia K đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu K khi cha mẹ ly hôn là được sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được tiếp tục nuôi cháu K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Lương Hoàng V không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về chia tài sản chung: Do ông Lương Hoàng V không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về nợ chung: Do ông Lương Hoàng V không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thu T và ông Lương Hoàng V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T về việc "Ly hôn" với ông Lương Hoàng V.

1.Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Lương Hoàng V.

2.Về nuôi con chung: 02 con chung là Lương Gia H, sinh năm 2006 và Lương Gia K, sinh ngày 04/5/2015. Hiện Lương Gia H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lương Gia K. Ông Lương Hoàng V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0010458 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang án phí.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**Võ Thị Thanh Nhung**